

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18/10/2019.

*“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình
và nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Lê Anh và bà Võ Thị Thanh Xuân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Điều SMi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hôn nhân gia đình và nuôi con chung”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bon B K, xã Đ R T, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bon B K, xã Đ R T, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 và Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của cháu N và cháu N: Chị Vi Thị N; anh Lý Văn Đ – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vi Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị N và anh Lý Văn Đ đã tự tìm hiểu và đến chung sống với nhau từ ngày 12/7/2012, khi đến chung sống cả hai hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau. Chị N và anh Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã B M, huyện B Đ, tỉnh B P vào ngày 12/7/2012.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 3 năm 2015 thì không được hạnh phúc như trước. Nguyên nhân do anh Đ thường xuyên cờ bạc, chửi bới, đánh đập vợ con, anh Đ tìm lý do để đuổi tôi ra khỏi nhà và nghi ngờ

tôi có bồ bịch. Vì vậy cuộc sống chung trở nên mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay tôi và chồng tôi sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh Đ có với nhau 02 con chung tên Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 và Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014. Nguyên vọng của chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 đến tuổi trưởng thành; Còn con chung Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 hiện nay cháu cũng biết tự lo chăm sóc bản thân nên tôi đồng ý giao cho chồng tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Đ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Văn Đ trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Vi Thị N sau thời gian tìm hiểu chúng tôi tự nguyện lấy nhau trên tinh thần tình yêu tự nguyện, cả hai đăng ký kết hôn tại UBND xã B M, huyện B Đ, tỉnh B P vào ngày 12/7/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 2 năm 2019 thì không được hạnh phúc như trước. Nguyên nhân do vợ tôi có người đàn ông khác nên vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và có đánh đập nhau, vợ tôi bỏ nhà đi lần thứ nhất được 05 ngày thì về. Đến ngày 21/6/2019 vợ chồng tôi lại cãi nhau sau đó vợ tôi thu dọn đồ đạc và về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay, hiện nay chúng tôi sống ly thân.

Việc vợ tôi ngoại tình với người đàn ông khác tôi không có bằng chứng gì tôi chỉ nghi ngờ mà thôi. Nay vợ tôi vẫn quyết tâm ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có với nhau 02 con chung tên Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 và Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014. Nguyên vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung Lý Thị Như N và Lý Thị Ngọc N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn chị Vi Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Lý Văn Đ và xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lý Thị Như N đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Bị đơn anh Lý Văn Đ vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án đồng ý ly hôn và xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung Lý Thị Như N và Lý Thị Ngọc N đến tuổi trưởng thành và anh Đ không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147- BLTTDS năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vi Thị N với anh Lý Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 cho chị Vi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành anh Lý Văn Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Giao cháu Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 cho anh Lý Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành chị Vi Thị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không tiến hành xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016: Buộc chị Vi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn cùng có địa chỉ tại xã Đ R T, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39-Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự trong vụ án, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định. Tòa án tiến hành phiên hòa giải cho các đương sự đoàn tụ nhưng không thành nên Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27 tháng 9 năm 2019. Tại phiên tòa hôm nay cả hai có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện chị Vi Thị N trình bày chị và anh Đ đến và chung sống với nhau từ năm 2012 và đã nộp giấy chứng nhận kết hôn (bản pho to) và trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh của các con Lý Thị Ngọc N và Lý Thị Như N cho Tòa án. Do mâu thuẫn gia đình nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ và xin trực tiếp nuôi con chung Lý Thị Như

N, sinh ngày 14/11/2014. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ pháp luật: Chị N và anh Đ đến chung sống với nhau từ năm 2012 và đăng ký kết hôn số 55/2012, quyển số 01, ngày 12 tháng 7 năm 2012 tại UBND xã B M, huyện B Đ, tỉnh B P. Như vậy có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị N và anh Lý Văn Đ là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Chị Vi Thị N nộp đơn xin ly hôn với anh Lý Văn Đ và cho rằng giữa chị và anh Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên cờ bạc, chửi bới, đánh đập vợ con, và tìm lý do để đuổi chị N ra khỏi nhà vì nghi ngờ chị N có bồ bịch, hiện nay hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay, cuộc sống chung trở nên mâu thuẫn trầm trọng. Điều này cho thấy “Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị N.

[6] Trong thời gian chung sống chị Vi Thị N và anh Lý Văn Đ có 02 con chung là cháu Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 và Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014. Theo nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên anh Đ không đồng ý giao con chung Lý Thị Như N cho chị N nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Đ xin được nuôi cháu Lý Thị Ngọc N và Lý Thị Như N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Tính tới thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử thì cháu Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 được 04 tuổi 11 tháng 04 ngày hiện nay cháu N còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ để đảm bảo cho cháu N phát triển một cách toàn diện về thể chất và tinh thần.

Tính tới thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử thì cháu Lý Thị Ngọc N, sinh 08/01/2013 được 06 tuổi 09 tháng 10 ngày hiện nay cháu N đã lớn có thể tự lo một phần việc chăm sóc bản thân và học hành có thể ở với bố cũng đảm bảo được sự chăm sóc, nuôi dạy của bố để đảm bảo cho cháu Như phát triển một cách bình thường. Ngoài việc anh Đ, chị N có đủ sức khỏe, nguồn thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi con thì anh Đ, chị N còn phải đảm bảo đủ thời gian để trực tiếp chăm sóc, dạy bảo con một cách tốt nhất.

Xét điều kiện kinh tế của anh Đ: Hiện nay anh Đ đang làm nông với việc trồng cà phê, tuy nhiên cà phê còn nhỏ, mới thu bói với thu nhập hàng năm khoảng 20.000.000 đồng (01 tháng khoảng 2.000.000 đồng/tháng), ngoài ra anh Đ không có nguồn thu nhập nào khác. Đối với diện tích đất rẫy là tài sản chung của hai vợ chồng hiện nay hai vợ chồng chưa thỏa thuận chia nên tòa án không giải quyết. Mặc khác anh Đ ở trong rẫy không có nhà kiên cố mà chỉ là nhà tạm bợ tại xã Đ R T, huyện T

Đ, tỉnh Đ N nên việc đi lại, học hành của các con là rất khó khăn nên anh Đ đã đưa 02 con về cho mẹ đẻ anh Đ tại huyện H L, tỉnh L S nhờ nuôi dạy là chưa đảm bảo.

Xét điều kiện kinh tế của chị N: Hiện nay chị N có sức khỏe tốt và đang phụ bán quán bún cho chị gái của chị N tại tỉnh Đ N với thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra sau khi ly hôn nếu chị N trở về Đ N sinh sống thì bố mẹ của chị N sẽ tạo điều kiện cho chị N một diện tích đất 7m x 30m để xây nhà và sau khi hai vợ chồng chia khối tài sản chung của vợ chồng là đất rẫy cà phê thì chị N sẽ có vốn để buôn bán và nuôi con.

Vì vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo cho việc nuôi dạy con cái một cách tốt nhất về mặt vật chất cũng như tinh thần, để các cháu có đủ điều kiện học tập cũng như phát triển mặt tinh thần. Việc giao con chung Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 cho chị Vi Thị N và giao con chung Lý Thị Ngọc N, sinh 08/01/2013 cho anh Lý Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Lý Văn Đ và chị Vi Thị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản thực hiện quyền này.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị N với anh Lý Văn Đ. Chị Vi Thị N được ly hôn với anh Lý Văn Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2016, quyển số 01, ngày 12 tháng 7 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã B M, huyện B Đ, tỉnh B P vào ngày 12/7/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

* Giao cháu Lý Thị Như N, sinh ngày 14/11/2014 cho chị Vi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý Văn Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung Lý Thị Như N.

* Giao cháu Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 08/01/2013 cho anh Lý Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung Lý Thị Ngọc N.

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi

việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền chị Vi Thị N đã nộp theo biên lai số 0001590, ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho chị Vi Thị N số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Bình Minh,
huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Long Ca